

Số /BC-SNN

Lai Châu, ngày tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2022

I. Kết quả thực hiện các mục tiêu năm 2022

1. Hoàn thiện hệ thống thể chế phát triển bền vững; Thực hiện lồng ghép các mục tiêu PTBV trong chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Năm 2022, Sở tiếp tục lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào các chính sách, kế hoạch lĩnh vực quản lý, cụ thể:

- Triển khai Hội nghị tập huấn các chính sách về nông, lâm nghiệp cho đối tượng là lãnh đạo, kế toán, cán bộ chuyên môn của các phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố; phòng Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thành phố; Ban Quản lý rừng phòng hộ các huyện và các cán bộ chuyên môn của Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện các Nghị quyết, như: Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đã tham mưu ban hành Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của HĐND tỉnh kéo dài thời gian thực hiện một số nội dung của Nghị quyết HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu ban hành Quyết định số: 1285/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 về ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025; Tham mưu xây dựng Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Tham mưu ban hành Kế hoạch số 3650/KH-UBND ngày 30/9/2022 về kế hoạch tập huấn bồi dưỡng cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

2. Bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững

Công tác chỉ đạo sản xuất được ngành và chính quyền địa phương triển khai ngay từ đầu năm và thực hiện theo đúng tiến độ, mùa vụ để đảm bảo các chỉ tiêu được giao; sản xuất hàng hóa được đẩy mạnh, các vùng sản xuất tập trung ngày càng được mở rộng, việc đầu tư thâm canh, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất được bà con nông dân chú trọng.

a) Trồng trọt:

Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, các vùng sản xuất tập trung ngày càng được mở rộng, việc đầu tư thâm canh, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất được bà con nông dân chú trọng.

Tổng sản lượng lương thực có hạt 225.000 tấn, trong đó:

- Cây lúa: Tổng diện tích 31.974 ha giảm 323 ha so với năm 2021, năng suất ước đạt 47,6 tạ/ha, sản lượng ước đạt 152.060 tấn. Đã gieo cấy 3.936 ha lúa hàng hóa tập trung sử dụng 1-2 giống lúa chất lượng như: J02, Sóng cù, Hương thơm số 1, Nếp 97, DS1, Vass 16, BC 15, Nếp địa phương đạt 100% KH. Sản lượng ước đạt 20.060 tấn.

- Cây ngô: Diện tích gieo trồng đạt 19.895 ha, năng suất ước đạt 36,7 tạ/ha, sản lượng 72.940 tấn.

- Cây chè: Tổng diện tích chè trên địa bàn tỉnh ước đạt 9.447 ha, diện tích chè kinh doanh 6.927 ha; sản lượng chè búp tươi ước đạt 48.000 tấn, tăng 4.000 tấn so với năm 2021. Diện tích trồng mới ước đạt 607 ha.

- Cây ăn quả: Tổng diện tích cây ăn quả ước đạt 8.220 ha, diện tích trồng mới ước đạt 533 ha, sản lượng ước đạt 60.000 tấn.

- Cây cao su: Tổng diện tích cây cao su hiện có là 12.980 ha (huyện Mùong Tè 396 ha; huyện sìn Hồ 8.112 ha; huyện Phong Thổ 1.400 ha; huyện Than Uyên 1.015 ha; huyện Nậm Nhùn 2.057 ha); các công ty và nhân dân tập trung chăm sóc diện tích cao su đã trồng qua các năm, hiện cây cao su sinh trưởng, phát triển tốt và một số diện tích đang trong thời kỳ khai thác; trong năm diện tích đưa vào khai thác mủ 8.488 ha, năng suất ước đạt 10,4 tạ mủ khô/ha/năm; sản lượng ước đạt 8.830 tấn mủ khô.

b) Về chăn nuôi:

Mặc dù trong năm một số loại dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc vẫn xảy ra lẻ tẻ, song nhân dân vẫn tập trung tái đàn để đảm bảo kế hoạch giao.

Tổng đàn gia súc ước đạt 336.100 con, trong đó: Trâu 93.030 con, bò 24.190 con, lợn 218.880 con; tốc độ tăng trưởng đàn gia súc 5. Tổng đàn gia cầm ước đạt 1.800 nghìn con. Sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 17.500 tấn, trong đó thịt lợn 11.600 nghìn tấn.

c) Về thủy sản:

Công tác nuôi trồng thủy sản vẫn tiếp tục được nhân dân thực hiện ổn định, diện tích, thể tích và sản lượng nuôi trồng thủy sản đều đạt và vượt so với kế hoạch được giao. Việc khai thác tiềm năng thế mạnh mặt nước trên các lòng hồ thủy điện để nuôi cá lồng của tỉnh đều tăng mạnh, góp phần đa dạng hóa các hình thức, đối tượng nuôi, tạo công ăn việc làm tăng thu nhập cho người dân, góp phần đáng kể trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội của tỉnh.

- Diện tích ao nuôi trồng thủy sản đạt toàn tỉnh ước đạt 992,5 ha, số cơ sở nuôi cá nước lạnh 28 cơ sở, với tổng thể tích 22.597 m³, thể tích nuôi cá lồng 163.568 m³.

- Sản lượng nuôi trồng và đánh bắt tự nhiên ước đạt 3.690 tấn, tăng 390 tấn so với năm 2021, trong đó: Sản lượng nuôi cá ao, lồng 3.255 tấn; sản lượng nuôi cá nước lạnh 190 tấn; sản lượng khai thác đạt 245 tấn.

3. Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người

Thường xuyên chỉ đạo đơn vị chuyên môn thực hiện rà soát hiện trạng các công trình nước sinh hoạt vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh để trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo dưỡng, tu sửa các công trình hoạt động kém, các công trình không hoạt động và xây dựng mới các công trình tại các điểm dân cư, thôn bản, đặc biệt tại các điểm khó khăn.

Hiện toàn tỉnh có 806 công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, trong đó: Số công trình đang hoạt động là 715 chiếm 88,7% cấp nước cho 57.023 hộ dân với 277.516 nhân khẩu, chiếm 73,5% dân số nông thôn.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ước đạt 88,5%, tăng 1,5 điểm % so với năm 2021.

- Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ước đạt 85%, tăng 2 điểm % so với năm 2021.

4. Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi môi trường đất

Công tác phát triển và bảo vệ rừng tiếp tục được thực hiện tốt, diện tích rừng hiện có tiếp tục được bảo vệ nghiêm ngặt, đi đôi với thực hiện trồng mới, khoanh nuôi tái sinh rừng, gắn với chi trả dịch vụ môi trường rừng nhằm phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi môi trường đất.

- Đã ban hành văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng và văn bản thống nhất thực hiện trong công tác chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Đôn đốc các Ban quản lý rừng phòng hộ các

huyện trong việc xây dựng phương án quản lý rừng bền vững. Trình UBND tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của huyện Mường Tè. Đang thẩm định phương án quản lý rừng bền vững của huyện Tam Đường và Phong Thổ.

- Tổng diện tích trồng rừng mới năm 2022 ước đạt 2.992 ha, trong đó: Rừng sản xuất 2.779 ha (quế 2.023 ha, cây lâm nghiệp khác 757 ha); Rừng phòng hộ 213 ha. Ngoài ra đã thực hiện trồng mới được 942 ha mắc ca, nâng tổng diện tích cây mắc ca hiện có trên địa bàn toàn tỉnh lên 6.376 ha.

- Tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh ước đạt 51,7%. Tổng diện tích rừng hiện có là 487.035 ha, trong đó: diện tích rừng tự nhiên 449.826 ha (rừng đặc dụng 29.246 ha, rừng phòng hộ 256.692 ha, rừng sản xuất 163.888 ha); diện tích rừng trồng 24.229 ha; cây cao su 12.980 ha. Khoán bảo vệ rừng ước đạt 452.156 ha.

- Thường xuyên kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng kinh phí chi trả DVMTR tại các huyện, thành phố; đôn đốc các nhà máy thủy điện thực hiện trả tiền DVMTR theo quy định. Tính từ đầu năm đến thời điểm báo cáo đã thu 334.036 triệu đồng (thu kế hoạch năm 2022) tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng. Đã chi 420.310 triệu đồng, trong đó: Chi theo kế hoạch năm 2021 là 406.690 triệu đồng; Chi theo kế hoạch năm 2022 là 13.620 triệu đồng. Việc chi trả DVMTR đã góp phần giảm bớt khó khăn cho người dân trong điều kiện bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 kéo dài, giúp người dân ổn định cuộc sống; nâng cao ý thức, trách nhiệm về công tác bảo vệ và phát triển rừng.

5. Phát triển nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống, làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng

** Về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:*

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn tiếp tục được triển khai rộng khắp từ tỉnh đến cơ sở. Công tác tuyên truyền được thực hiện tốt và sâu rộng tới toàn thể các cấp, các ngành và nhân dân. Việc duy trì và nâng cao các tiêu chí được chỉ đạo thực hiện thường xuyên, nhận thức của nhân dân về nông thôn mới ngày càng được nâng lên; cơ sở hạ tầng tiếp tục được quan tâm đầu tư, công tác phát triển sản xuất, tạo việc làm mới nâng cao thu nhập gắn với xóa đói giảm nghèo được quan tâm; công tác giáo dục đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được đẩy mạnh; cảnh quan môi trường, bộ mặt nông thôn dần được cải thiện đổi mới. Đa số các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM đã duy trì được các tiêu chí theo quy định. Một số xã đã nâng cao được chất lượng một số tiêu chí so với thời điểm công nhận xã đạt chuẩn xã nông thôn mới. Tuy nhiên, ngoài kết quả nâng cao và duy trì các tiêu chí, vẫn còn một số tiêu chí chưa bền vững: Nhà ở dân cư, thu nhập, môi trường...

Đến nay toàn tỉnh có 39 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân tiêu chí NTM (theo bộ tiêu chí mới của TW) ước đạt 12,5 tiêu chí/xã.

** Chương trình bố trí sắp xếp dân cư:*

Kiểm tra nắm chắc các địa bàn có nguy cơ thiên tai đề xuất phương án sắp xếp ổn định dân cư, tham mưu kịp thời các văn bản chỉ đạo điều hành và báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

- Năm 2022 thực hiện 08 dự án, trong đó có 06 dự án chuyển tiếp gồm (04 dự án vùng thiên tai; 02 dự án dân di cư tự do); 02 dự án khởi công mới vùng thiên tai.

- Tổng vốn kế hoạch giao 171.625 triệu đồng (vốn NSTW 156.000 triệu đồng, NSDP 15.625 triệu đồng). Thực hiện di chuyển được 89 hộ, tập trung 83 hộ và xen ghép 06 hộ; thực hiện giải ngân đến thời điểm báo cáo 128.759 triệu đồng, đạt 76,3% kế hoạch vốn giao. Dự kiến đến hết 31/12/2022 sẽ thực hiện hoàn thành khối lượng và giải ngân 100% kế hoạch vốn giao.

Nhìn chung công tác quy hoạch, lập kế hoạch bố trí ổn định dân cư đã có nhiều chuyển biến tích cực; công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp được quan tâm. Việc huy động và sử dụng các nguồn vốn của Trung ương và địa phương được chú trọng ưu tiên đầu tư trọng điểm, đồng bộ về cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Chương trình bố trí sắp xếp dân cư các vùng thiên tai, biên giới, đặc biệt khó khăn được thực hiện đồng bộ, tạo điều kiện cho nhân dân ổn định đời sống lâu dài, từng bước thay đổi cơ cấu kinh tế, ổn định phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập. Góp phần bảo vệ rừng, môi trường sinh thái, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia.

Tuy nhiên, Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2021-2025 định hướng năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022, nhưng chưa bố trí vốn.

** Về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn:*

Kế hoạch chỉ tiêu giao năm 2022 là 7.450 chỉ tiêu, trong đó: Nghề nông nghiệp 5.850 chỉ tiêu. Kết quả thực hiện tại các huyện, thành phố đến thời điểm báo cáo các huyện đã tổ chức đào tạo được 172 lớp với 5.170 chỉ tiêu (đạt 88,3%) kế hoạch giao, trong đó: Nghề Chăn nuôi gia súc gia cầm, đại gia súc (lợn, gà, trâu bò...) 68 lớp với 2.043 chỉ tiêu; Nghề trồng trọt 88 lớp với 2.644 chỉ tiêu; Nuôi trồng thủy sản 4 lớp với 123 chỉ tiêu; Chế biến bảo quản 8 lớp với 240 chỉ tiêu; Các nghề khác Dịch vụ nông nghiệp 4 lớp với 120 chỉ tiêu.

Số lao động nông thôn đã qua đào tạo nghề cơ bản đều tự tạo việc làm sau đào tạo chiếm 80% (tiếp tục tăng gia sản xuất trên đồng ruộng sẵn có của các hộ gia đình nhưng có năng suất và thu nhập tăng lên); Ngành nghề đào tạo đã cơ bản phù hợp với nhu cầu của người học, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và kinh tế hộ gia đình; một số hộ gia đình đã mở rộng phát triển ngành nghề sau khi được đào tạo.

Tuy nhiên, công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tại một số huyện còn chưa quan tâm đến nhu cầu đào tạo cho lao động của các doanh nghiệp và hợp tác xã, trang trại, các làng nghề; Đối tượng tham gia học nghề không đồng đều về độ tuổi, trình độ, nhận thức, điều kiện gia đình, một số lao động nông thôn nhất là lao động trẻ, chưa nhận thức được việc đào tạo nghề là một nhu cầu, yếu tố cần thiết để đảm bảo cuộc sống cho bản thân, cho gia đình nên chưa quan tâm đến việc học nghề, vẫn còn tư tưởng "trông chờ, ỷ lại" vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước nên chưa ý thức được hiệu quả của việc học nghề; Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả sau đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tại các huyện, thành phố chưa được quan tâm và chưa được thực hiện thường xuyên.

6. Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai

Tổ chức ứng trực 24/24 giờ khi có diễn biến thời tiết bất thường xảy ra để nắm bắt tình hình thiên tai qua các thông tin đại chúng, triển khai các biện pháp ứng phó kịp thời. Từ đầu năm 2022 đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra một số đợt thiên tai (02 đợt rét đậm, rét hại, 12 đợt mưa đá, dông, lốc, mưa lớn) đã gây thiệt hại đến người và tài sản của nhà nước, nhân dân.

Trước tình hình thiên tai trên địa bàn, UBND các huyện, thành phố đã huy động các lực lượng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả trên địa bàn theo phương châm “4 tại chỗ” bao gồm lực lượng thường trực và lực lượng dân quân xung kích cấp xã, tham gia tìm kiếm, cứu nạn người mất tích, kịp thời động viên, hỗ trợ và giúp đỡ gia đình có bị nạn. Huy động các lực lượng giúp đỡ người dân sửa chữa nhà, lợp lại mái đảm bảo ổn định cuộc sống. Tổng số lượt người đã huy động tham gia tìm kiếm cứu nạn là trên 200 lượt người, khắc phục 246 nhà bị hư hỏng, ảnh hưởng. Khẩn trương di chuyển các hộ dân nằm trong khu vực cao xảy ra thiên tai đến nơi ở an toàn. Đến nay, UBND các huyện đã tổ chức di chuyển, sơ tán 88 hộ dân ra khỏi vùng thiên tai đến nơi an toàn. Phối hợp chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thi công trú đóng trong địa bàn hót, dọn sạt sạt thông tuyến kịp thời đảm bảo giao thông thông suốt. Tổng khối lượng đất đá sạt, sạt được hót dọn là trên 403.000 m³. Đến nay tổng kinh phí hỗ trợ, khắc phục hậu quả do thiên tai là 375,5 triệu đồng.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Các kết quả đạt được

Trong năm 2022 tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp đã đạt được những kết quả nổi bật đó là:

- Tổng sản lượng lương thực có hạt 225.000 tấn, vượt 1.500 tấn so với KH, an ninh lương thực được đảm bảo.

- Vùng chè tập trung chất lượng cao tiếp tục được mở rộng phát triển, đã trồng mới thêm 607 ha, đạt 103,7% KH. Mối liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm được duy trì và phát triển.

- Diện tích cây ăn quả ngày càng tăng, tập trung với những loại cây hàng hóa chủ lực của tỉnh. Diện tích trồng mới cây ăn quả 533 ha, vượt 97% so với KH. Sản lượng ước đạt 60.000 tấn, đạt 100% KH.

- Mặc dù trong năm một số loại dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc vẫn xảy ra lẻ tẻ, song nhân dân vẫn tập trung tái đàn để đảm bảo kế hoạch giao. Tốc độ tăng đàn gia súc ước đạt 5% đạt KH; Tổng đàn gia súc ước đạt 1.800 nghìn con, vượt 7,2% so với KH.

- Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản được phát triển tối đa với đa dạng hình thức nuôi trồng để phát huy tiềm năng, lợi thế. Tổng sản lượng thủy sản trong năm ước đạt 3.690 tấn, đạt 100% KH.

- Diện tích rừng hiện có tiếp tục được bảo vệ tốt, tỷ lệ che phủ rừng được nâng lên đạt 51,7%, đạt 100% so với KH. Tổng diện tích trồng rừng mới năm 2022 ước đạt 2.992 ha, vượt 49,6% KH.

- Công tác nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tiếp tục được thực hiện tốt, đảm bảo 100% mục tiêu đề ra.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn tồn tại những hạn chế, yếu kém cần khắc phục, đó là:

- Bình quân tiêu chí NTM đạt 12,5 tiêu chí/xã, thấp hơn 3,8 điểm % so với kế hoạch.

Nguyên nhân: Các tiêu chí được tính theo tiêu chuẩn mới theo Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND tỉnh về Ban hành bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025.

- Diện tích trồng mới cây mắc ca ước đạt 942 ha, đạt 67,3% KH.

Nguyên nhân: Do điều kiện thời tiết trên địa bàn tỉnh trong năm không thuận lợi, mùa mưa đến sớm, tần suất mưa nhiều, thời gian mưa kéo dài, lượng mưa lớn, cùng với đó là địa bàn trồng cây Mắc ca xa xôi, giao thông khó khăn, không thuận tiện, hay sạt lở dẫn đến công tác vận chuyển cây giống, phân bón gặp khó khăn. Giá vật tư, phân bón, xăng dầu tăng cao làm tăng chi phí sản xuất gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp trồng mắc ca. Cơ sở dữ liệu về đất đai còn nhiều vướng mắc, như: Việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn một số chồng chéo; tỷ lệ đo đạc, giao đất còn thấp; doanh nghiệp khó thỏa thuận đất đai với người dân, việc tích tụ đất đai còn gặp nhiều khó khăn.

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2023

1. Thực hiện lồng ghép các mục tiêu PTBV trong chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- Tiếp tục lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển bền vững của tỉnh trong kế hoạch 1640/KH-UBND vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và các chương trình, đề án có tính chất kỹ thuật chuyên ngành để định hướng thực hiện.

- Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về các đề án, chính sách, đề nhân dân, DN, HTX biết để đăng ký thực hiện để được nhân chính sách, phát huy vai trò MTTQ và các đoàn thể các cấp trong tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia giám sát, phản biện thực hiện các đề án, nghị quyết.

- Rà soát sửa đổi những nội dung chưa phù hợp của các hướng dẫn đã ban hành, đồng thời ban hành mới hướng dẫn thực hiện các đề án ngay sau khi đề án được phê duyệt. Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện đảm bảo theo mục tiêu đề ra.

2. Về đảm bảo an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng công nghệ, phát triển các mô hình sản xuất hữu cơ, sản xuất sạch, nâng cao chất lượng sản phẩm, tập trung vào các loại cây trồng chủ lực của tỉnh đã được xác định để hướng đến xuất khẩu và đẩy mạnh tiêu thụ tại các thị trường ngoài tỉnh góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp. Chủ động tham mưu chỉ đạo sản xuất, đẩy mạnh mối liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp và người dân.

- Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết để điều chỉnh kế hoạch sản xuất (thời vụ gieo trồng, cơ cấu và diện tích cây trồng), đảm bảo hạn chế tối đa thiệt hại do diễn biến bất thường của thời tiết. Thực hiện đầu tư thâm canh, tăng vụ lúa, ngô ở các vùng có điều kiện.

- Tăng cường công tác DTDB, chỉ đạo phòng trừ dịch hại, hạn chế thấp nhất ảnh hưởng của sâu, bệnh hại đến năng suất, chất lượng cây trồng.

- Tập trung chỉ đạo đầu tư thâm canh, chăm sóc, diện tích chè đã trồng nhằm tăng năng suất, sản lượng; tăng cường kiểm tra chất lượng giống chè để phục vụ cho trồng chè mới năm 2023; thực hiện tốt quản lý vùng nguyên liệu chè tập trung, tăng cường mối liên kết giữa: Nhà nước - Doanh nghiệp - Nông dân trong sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị gia tăng.

- Cây cao su: Tập trung chăm sóc diện tích cây cao su đã trồng, tiến hành khai thác mủ cao su đối với diện tích cho khai thác.

- Tập trung phát triển nuôi con gia súc đã cho hiệu quả kinh tế cao, chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá trị cơ cấu ngành, đáp ứng nhu cầu thị trường và các loại đối tượng đặc sản phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái của tỉnh. Tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong xử lý chất thải chăn nuôi như xây dựng hệ thống Biogas, sử dụng đệm lót sinh học tạo môi trường chăn nuôi an toàn, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất; chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản; ưu tiên khuyến khích các doanh nghiệp phát triển liên kết sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Tạo điều kiện cho các HTX, trang trại nâng cấp, mở rộng quy mô hoạt động sản xuất. Tập trung phát triển HTX, trang trại chuyên sản xuất, cung ứng con giống đầu vào, bao tiêu sản phẩm đầu ra cho người dân.

- Xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình phòng chống dịch bệnh động vật hàng năm, giai đoạn trên địa bàn tỉnh; tiếp tục nắm bắt diễn biến tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn tỉnh nhất là các điểm dịch bệnh đã xảy ra, khu vực lân cận trên địa bàn tỉnh, khu vực có nguy cơ cao và các tỉnh giáp ranh.

- Khai thác hiệu quả diện tích mặt nước hiện có, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đánh bắt, khai thác thủy sản trên các hồ. Khuyến cáo rộng rãi cho nhân dân mở rộng những mô hình thủy sản đã thực hiện có hiệu quả để đưa vào nuôi trồng đại trà. Vận động nhân dân cải tạo, nạo vét ao chuồng, tu sửa diện tích ao bị thiệt hại, hư hỏng do thiên tai trong năm trước để đưa vào sản xuất.

- Đa dạng hoá đối tượng và phương pháp nuôi để nâng cao năng suất, chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường; tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng giống thủy sản, thức ăn bảo đảm an toàn dịch bệnh. Kiểm tra việc chấp hành các quy định của Pháp luật về sản xuất, kinh doanh giống, thức ăn hóa chất và chế phẩm sinh học sử dụng trong Nuôi trồng thủy sản.

- Tiếp tục thả cá bổ sung tại các hồ chứa một số loài cá truyền thống, quý hiếm có giá trị kinh tế nhằm khôi phục nguồn lợi thủy sản, cân bằng hệ sinh thái; tập trung đầu tư đồng bộ hóa cơ sở vật chất kỹ thuật nhất là hệ thống thủy lợi, cơ sở sản xuất và nhân giống, đường điện, máy móc phục vụ các vùng nuôi; thu hút đầu tư vào lĩnh vực chế biến và xúc tiến thương mại tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm thủy sản.

3. Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người

Thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, từng bước xã hội hoá việc đầu tư phát triển và quản lý khai thác sử dụng các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn nông thôn. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước kết hợp với nguồn vốn của địa phương, vốn góp của dân đầu tư các công trình cấp nước sạch nông thôn, theo hình thức tập trung hiện đại hoá, do dân quản lý khai thác.

- rà soát, đánh giá hiện trạng các công trình nước sinh hoạt hiện có. Tham mưu xây dựng kế hoạch đầu tư tập trung sửa các công trình đã xuống cấp và chỉ đầu tư xây dựng mới ở những địa bàn thực sự cần thiết.

- Phối hợp với UBND các huyện, Thành phố trong công tác quản lý sau đầu tư thực hiện các giải pháp nhằm từng bước khôi phục các công trình hoạt động kém hiệu quả, công trình không hoạt động.

4. Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi môi trường đất

Tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, tăng cường khoanh nuôi tái sinh, trồng mới rừng. Thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Nâng cao năng lực phòng chống, cháy rừng, đầu tư cải tạo kết cấu hạ tầng phục vụ nâng cao năng lực, chất lượng công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giống cây lâm nghiệp khi đưa vào thực hiện trồng rừng năm 2023.

- Bảo vệ diện tích rừng hiện có gắn với dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, đúng quy định.

- Đôn đốc, chỉ đạo các Ban quản lý rừng phòng hộ chủ động chuẩn bị vật tư, lựa chọn các loại giống (quế, cây gỗ lớn) có chất lượng để phục vụ đủ nhu cầu trồng rừng năm 2023 đạt hiệu quả đúng thời vụ.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền bằng nhiều hình thức và nội dung thiết thực nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện các quy định của Luật Bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR trong cộng đồng dân cư.

5. Phát triển nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống, làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng

Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huy động các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng - xã hội vùng nông thôn, tập trung xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển kinh tế du lịch,

mỗi xã một sản phẩm,... Tiếp tục củng cố nâng cao các tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn; không ngừng cải thiện cuộc sống người dân nông thôn.

- Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn; tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới.

- Huy động tổng hợp, xã hội hóa nguồn lực, ưu tiên ngân sách để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tạo điều kiện tối đa cho nông dân phát triển kinh tế, có tích lũy để tái sản xuất mở rộng và đầu tư phát triển; chủ động phát huy hiệu quả nguồn lực tại chỗ; khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, phát huy vai trò quản lý của các cấp chính quyền về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phát huy sức mạnh các đoàn thể chính trị xã hội ở nông thôn.

6. Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai

Thực hiện nghiêm công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2021. Thường xuyên theo dõi, tổng hợp và tham mưu thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, đảm bảo kịp thời hạn chế thấp nhất thiệt hại do diễn biến bất thường của thời tiết gây ra.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững năm 2022 của Sở Nông nghiệp & PTNT Lai Châu, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch & ĐT;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Châu